

Số: /BC-BCĐ

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

## BÁO CÁO Kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2023

Thực hiện Công văn số 5761/BTTTT-CĐSQG ngày 16/11/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số; Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa báo cáo kết quả như sau:

### I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023.

#### 1. Về nâng cao nhận thức số

Công tác truyền thông thúc đẩy quá trình chuyển đổi số luôn được các cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm thực hiện, triển khai đồng bộ từ đầu tư hạ tầng, đổi mới nội dung, hình thức, tần suất tuyên truyền, đa dạng các phương thức truyền thông, từ hệ thống truyền thanh cơ sở đến trang, cổng thông tin điện tử và sử dụng các nền tảng mạng xã hội để thực hiện việc phổ biến, tuyên truyền.

- Trang thông tin chuyển đổi số của tỉnh (<https://chuyendoiso.thanhhoa.gov.vn>) đã đăng tải 127 tin, bài và thu hút được trên 1.861.000 lượt người theo dõi; đây là kênh chính thống cập nhật thông tin các chính sách pháp luật, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số phục vụ cán bộ, công chức, viên chức, Tổ công nghệ số cộng đồng, người dân và doanh nghiệp. Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị đã đưa được 685 tin, bài và phát lại trên hệ thống đài truyền thanh là 2.137 lượt tin<sup>1</sup> để tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

- Chuyên mục “Chuyển đổi số” trên sóng truyền hình của tỉnh được duy trì thời lượng 10 phút/tuần; tăng cường tuyên truyền các nội dung chương trình chuyển đổi số quốc gia và của tỉnh trên trang thông tin điện tử của Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa tại địa chỉ [truyenhinhthanhhoa.vn](http://truyenhinhthanhhoa.vn); trong năm 2023 có gần 200 tin, bài<sup>2</sup> tuyên truyền về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số trên các kênh sóng, nền tảng số của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

- Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các cơ quan báo chí để xây dựng 12 phóng sự, 25 bài viết tuyên truyền về mô hình, cách làm hay về chuyển đổi số ở các xã, phường; tuyên truyền triển khai mô hình “3 Không”<sup>3</sup>; mô hình “Ngày không viết”, “Ngày không hẹn” trong giải quyết thủ tục hành

<sup>1</sup> Số liệu được tổng hợp từ báo cáo của các đơn vị;

<sup>2</sup> Báo cáo số 668/BC-ĐPTTH ngày 23/11/2023;

<sup>3</sup> Không phải khai báo thông tin nhiều lần trong thực hiện dịch vụ công; Không dùng tiền mặt trong một số các dịch vụ thiết yếu; Không cần tiếp xúc trực tiếp với Chính quyền. Hiện tại đã triển khai hoàn thành mô hình tại 73 xã, phường, thị trấn và đang thực hiện nhân rộng trong toàn tỉnh.

chính; mô hình “Chợ không dùng tiền mặt”, “Thôn thông minh”; mô hình đưa sản phẩm nông sản lên sàn gắn truy xuất nguồn gốc và thanh toán không dùng tiền mặt; mô hình “Khám chữa bệnh sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử và ứng dụng VNeID”...

- Tổ chức các khóa học, chương trình đề trao đổi về chuyển đổi số, xu thế và tính tất yếu của chuyển đổi số hiện nay trong doanh nghiệp và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh; về sử dụng dữ liệu mở để khai thác các giá trị nhằm phát triển doanh nghiệp trong thời đại số; chia sẻ các kinh nghiệm của những doanh nghiệp thành công trong chuyển đổi số, cụ thể: Hội nghị tuyên truyền về chuyển đổi số, hội nghị tư vấn tiếp cận các nền tảng chuyển đổi số như nền tảng hỗ trợ vay vốn tín chấp, các nền tảng chuyển đổi số cho 6.500 doanh nghiệp<sup>4</sup>.

- Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 22/8/2023 về việc tổ chức các sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã tổ chức 05 sự kiện<sup>5</sup> tập trung vào các hoạt động mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, doanh nghiệp và thúc đẩy, quảng bá để toàn dân sử dụng sản phẩm, dịch vụ số Việt Nam.

## **2. Về hoàn thiện chính sách, quy định cho chuyển đổi số**

Với quyết tâm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, Bộ Thông tin và Truyền thông, với quyết tâm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã tập trung chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung khung pháp lý của tỉnh trong xây dựng, phát triển Chính quyền số và chỉ đạo việc đẩy mạnh thực hiện quá trình chuyển đổi số đối với tất cả các lĩnh vực, ngành nghề; trong thời gian qua, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo để đẩy mạnh quá trình thực hiện chuyển đổi số.

Năm 2023, UBND tỉnh Thanh Hóa, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã ban hành 01 Chỉ thị, 15 Quyết định, 06 Kế hoạch và nhiều văn bản chỉ đạo khác; trong đó, nổi bật là:

+ Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị camera giám sát;

<sup>4</sup> Hội nghị tư vấn cho các doanh nghiệp về lựa chọn các giải pháp, quy trình thực hiện chuyển đổi số cho các doanh nghiệp; Hội nghị Ứng dụng nền tảng số hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nguồn vốn vay, phục hồi, phát triển sản xuất, kinh doanh; Hội nghị tư vấn chuyên đổi số cho các doanh nghiệp trên địa bàn: Thành phố Thanh Hóa, Hoằng Hóa, Quảng Xương, Đông Sơn, Thọ Xuân, thị xã Nghi Sơn, thị xã Bim Sơn...

<sup>5</sup> 05 sự kiện theo Kế hoạch số 210/KH-UBND: (1) Tổ chức buổi làm việc với Đoàn công tác của Bộ TTTT; (2) Triển lãm các sản phẩm, giải pháp, mô hình Chuyển đổi số với 24 gian hàng. (3) Khai trương ra mắt Công Dữ liệu mở của tỉnh (OpenData) và Ứng dụng dành cho người dân (App Thanh Hóa –S). (4) Tổ chức Hội thảo kết nối cung cầu về sản phẩm, dịch vụ CNTT phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số khu vực Miền Trung. (5) Tổ chức tọa đàm, giao lưu với Đoàn viên Thanh niên các sở, ban, ngành; các huyện, thị xã, thành phố về Vai trò của Đoàn thanh niên trong Chuyển đổi số.

+ Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 28/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030;

+ Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

+ Quyết định số 2148/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành kết quả đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022;

+ Kế hoạch số 225/KH-UBND, ngày 15/9/2023 của UBND tỉnh về việc phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2023-2025;

+ Công văn số 9791/UBND-CNTT ngày 10/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy mạnh thực hiện phát triển doanh nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số trong doanh nghiệp và triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số;

+ Công văn số 11401/UBND-CNTT ngày 08/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ thực hiện duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa hằng năm;

+ Công văn số 17326/UBND-CNTT ngày 16/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao hoàn thành các chỉ tiêu chuyển đổi số theo Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh.

*(có Phụ lục 1 chi tiết kèm theo)*

### **3. Về phát triển hạ tầng số**

#### **3.1. Hạ tầng công nghệ thông tin**

Hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị tiếp tục được quan tâm đầu tư đồng bộ, hiện đại từ cấp tỉnh đến cấp xã nhằm phục vụ tốt công tác chuyên môn, chuyển đổi số; 100% cán bộ, công chức được trang bị thiết bị công nghệ thông tin; 100% các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh có hạ tầng mạng nội bộ (LAN), kết nối Internet đảm bảo thông suốt, an toàn để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. 100% các hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi sang IPv6; người dùng thực hiện truy cập song song địa chỉ IPv4 và IPv6 trên môi trường mạng.

Các Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh tiếp tục được đầu tư đảm bảo cho việc duy trì, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, các phần mềm ứng dụng cho các cơ quan Đảng và cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; hệ thống điều hành, giám sát an ninh mạng (SOC) được đầu tư, bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và luôn hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn 24/7.

Duy trì, vận hành gần 700 phòng họp trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp xã; tổ chức vận hành trên 100 hội nghị giao ban trực tuyến của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và với các Chính phủ và bộ, ngành, trung ương; hơn 410 cuộc họp trực tuyến giữa cấp huyện với cấp xã nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí hành chính khác.

Một số ngành, lĩnh vực đã ứng dụng các nền tảng số và các công nghệ mới (chuỗi khối-Block chain, Internet vạn vật-IoT) vào hoạt động quản lý như: hệ thống giám sát chỉ số không khí của ngành Tài nguyên - Môi trường, hệ thống giám sát mực nước các hồ đập của ngành Công Thương; nền tảng du lịch thông minh, nền tảng khám chữa bệnh, nền tảng nông nghiệp thông minh...

### **3.2. Hạ tầng viễn thông**

Hạ tầng viễn thông tiếp tục được các doanh nghiệp đầu tư mở rộng vùng phục vụ, đáp ứng nhu cầu cung cấp, sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet băng thông rộng cố định, di động và dịch vụ truyền hình qua mạng viễn thông. Tổng số trạm trên toàn mạng là 9.399 trạm BTS (2.789 trạm 2G, 2.713 trạm 3G, 3.897 trạm 4G) lắp đặt tại 3.920 vị trí (cột A1 chiếm 3.3%, cột A2 chiếm 96.7%); có 14 thiết bị chuyển mạch cố định; 2.785 thiết bị truy nhập Internet băng thông rộng; tỷ lệ sử dụng chung cột ăng ten giữa các doanh nghiệp viễn thông đạt 7.6%. Các doanh nghiệp cũng đầu tư xây dựng mới gần 800km cáp mạng ngoại vi; cải tạo chỉnh trang gần 150km cáp; phối hợp với các cơ quan Nhà nước để di dời, giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Tổng số thuê bao điện thoại trên toàn tỉnh ước đạt 2.973.300 thuê bao (trong đó 25.300 thuê bao cố định; 2.948.000 thuê bao di động), đạt mật độ 80,50 máy/100 dân; tổng số thuê bao Internet trên toàn tỉnh ước đạt 2.400.000 thuê bao, đạt mật độ 65,4 thuê bao/100 dân.

100% số thôn/bản trên địa bàn tỉnh đã được phủ sóng thông tin di động 3G/4G; Số thôn/bản trên địa bàn tỉnh đã có hạ tầng băng rộng cố định là 4.342/4.357 (tỷ lệ 99.65%), số thôn/bản chưa được đầu tư hạ tầng băng rộng cố định là 15 bản<sup>6</sup>.

### **4. Về phát triển dữ liệu số**

Dữ liệu số đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình thực hiện chuyển đổi số; do đó, các ngành, các đơn vị đã thực hiện số hóa, phát triển, xây dựng cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị và tăng cường kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công, nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành của các cơ quan, đơn vị và hỗ trợ trong công tác ra quyết định của các cơ quan giúp nâng cao năng lực chỉ đạo điều hành của các cơ quan, đơn vị.

Việc tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu giúp người dân, doanh nghiệp không phải kê khai, cung cấp thông tin nhiều lần; cán bộ, công chức, viên chức của cơ

<sup>6</sup> Huyện Bá Thước (01 bản), Thường Xuân (01 bản), Quan Hóa (01 bản), huyện Quan Sơn (03 bản), huyện Mường Lát (9 bản).

quan nhà nước không phải nhập lại thông tin khi thao tác nghiệp vụ trên nhiều phần mềm; việc khai thác các dữ liệu dùng chung sẽ làm giảm việc đầu tư trùng lặp, gây lãng phí và cho phép cung cấp dữ liệu mở ra bên ngoài phục vụ khu vực tư để xây dựng, phát triển hệ sinh thái ứng dụng, dịch vụ mới cho xã hội; vì thế, trong thời gian qua các đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tạo lập, duy trì được một số các dữ liệu số như sau:

- Công Dữ liệu mở của tỉnh (<https://opendata.thanhhoa.gov.vn>) đã được đưa vào triển khai, sử dụng với 234 cơ sở dữ liệu mở của 15 lĩnh vực nhằm chia sẻ, công khai các dữ liệu mở phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và công khai, minh bạch thông tin của các cơ quan chính quyền cho người dân, doanh nghiệp.

- Hoàn thành việc kết nối chính thức giữa Công dịch vụ công; hệ thống một cửa điện tử tỉnh Thanh Hóa với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; việc kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia dân cư bắt đầu được đưa vào khai thác sử dụng từ ngày 20/02/2023 giúp người dân khi thực hiện các dịch vụ công không phải khai báo lại thông tin cá nhân và thời gian thực hiện các dịch vụ công được nhanh chóng, chính xác, thuận lợi.

- Lĩnh vực Y tế: Đã có 679/679 cơ sở y tế đã triển khai việc sử dụng thẻ căn cước công dân (CCCD) gắn chip thay thế thẻ bảo hiểm y tế trong khám bệnh, chữa bệnh, đạt tỷ lệ 100%; có 5.989.970 lượt tra cứu, trong đó số lượt tra cứu thành công là 4.123.648 lượt; số lượng CCCD được đồng bộ với thẻ bảo hiểm y tế còn hiệu lực để đi khám chữa bệnh bằng CCCD là 3.056.476.

- Lĩnh vực an sinh xã hội: Thực hiện chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công với cách mạng và đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh; tổng số đối tượng hưởng chế độ chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh là: 261.308 người (*trong đó: 194.479 người hưởng chính sách bảo trợ xã hội; 66.829 người hưởng chính sách người có công*).

- Phát triển công dân số: Tiếp tục thu nhận hồ sơ cấp thẻ CCCD cho công dân trên địa bàn (cả thường trú, tạm trú, cư trú): Thẻ CCCD đã thu nhận được 3.449.484 hồ sơ; Tài khoản định danh điện tử đã kích hoạt thành công 1.685.383 tài khoản/1.620.967 chỉ tiêu giao; đạt tỷ lệ 103,97 % (*vượt chỉ tiêu giao*).

- Dữ liệu trẻ em: Đã chuẩn hóa, làm sạch và cập nhật thông tin dữ liệu trẻ em: 960.281/960.281 trẻ em (*đạt tỷ lệ 100%*).

- Dữ liệu người có công: đã thực hiện rà soát và làm sạch 60.878/65.161 người trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (*đạt tỷ lệ 96,5%*).

- Dữ liệu Bảo hiểm xã hội: toàn tỉnh đã xác thực đúng với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư 3.131.934/3.234.471 hồ sơ, đạt tỷ lệ 96,82%.

- Dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức người lao động: đã cập nhật, số hóa thông tin của 84.505 hồ sơ và đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia (*đạt tỷ lệ 100%*).

- Số hóa hộ tịch trên nền cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: đã nhập dữ liệu cho 1.319.744/2.343.764 trường hợp (*đạt tỷ lệ 56,3%*).

- Mã số thuế cá nhân: đã thực hiện rà soát được 1.872.348/2.371.256 mã số thuế cá nhân (*đạt tỷ lệ 79%*).

- Dữ liệu Giấy khám sức khỏe lái xe: toàn tỉnh có 40 cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được công bố đủ điều kiện khám và cấp Giấy khám sức khỏe lái xe, 38/40 cơ sở đã thực hiện liên thông giấy khám sức khỏe cho người lái xe.

- Tiếp tục duy trì kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với 04/27 huyện<sup>7</sup>.

## **5. Kết quả triển khai chuyển đổi số ngành, lĩnh vực, Chính quyền số**

### **5.1. Chính quyền số**

Với quyết tâm thực hiện xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số; đổi mới phương thức làm việc; quy trình xử lý văn bản, hồ sơ công việc, giải quyết thủ tục hành chính từ môi trường làm việc trên giấy sang làm việc trên môi trường điện tử trong các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã; trong thời gian qua, toàn tỉnh đã có nhiều sự thay đổi, đổi mới và hiện đại hóa nền hành chính; vì vậy, kết quả hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường điện tử được thể hiện bằng những con số, phương pháp cụ thể.

- Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) (tại địa chỉ <https://lgsp.thanhhoa.gov.vn>) được duy trì, hoạt động một cách thường xuyên, ổn định; hiện đang cung cấp 10 dịch vụ kết nối các phần mềm nội tỉnh<sup>8</sup> và 11 dịch vụ kết nối bên ngoài<sup>9</sup>; đã thực hiện khai báo mã định danh điện tử cho 2.588 đơn vị và đồng bộ lên hệ thống danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước (*do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý*).

- Việc trao đổi và xử lý văn bản hồ sơ liên thông trên môi trường mạng giữa các quan khối Đảng, Chính quyền, Đoàn thể ở cả 03 cấp trên nền tảng tích hợp dữ liệu của tỉnh; thực hiện việc kết nối, chia sẻ, trao đổi văn bản điện tử giữa Chính quyền và Doanh nghiệp. Tổng số lượt trao đổi, xử lý văn bản trên hệ thống là 2.939.433 lượt văn bản; tỷ lệ ký số cơ quan đạt 98,5%; hệ thống phần mềm Phản hồi Thanh Hóa đã tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân với tỷ lệ xử lý đúng hạn đạt trên 93%; việc này nhằm đảm bảo công khai, minh bạch, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí, nâng cao

<sup>7</sup> với 95/559 xã, thị trấn, đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; gồm: Triệu Sơn: 36/36 xã, thị trấn; Yên Định: 29/29 xã, thị trấn; Hà Trung: 25/25 xã, thị trấn và Thiệu Hóa: 05/25 xã, thị trấn

<sup>8</sup> Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc cho các cơ quan, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã; Phần mềm gửi nhận văn bản dành cho doanh nghiệp; Công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; Phần mềm một cửa điện tử cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Phần mềm Quản lý văn bản của khối Đảng; Phần mềm Quản lý văn bản của VNPT; Hệ thống thư điện tử công vụ; Phần mềm phản ánh, kiến nghị; Phần mềm theo dõi nhiệm vụ; Công thông tin điện tử của tỉnh; Công dữ liệu mở.

<sup>9</sup> Dịch vụ bưu chính công ích (VNPost); Thông tin cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; Hệ thống Đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch & Đầu tư; Thông tin bảo hiểm xã hội; CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư Pháp; Phần mềm cấp lý lịch tư pháp trực tuyến của Bộ Tư pháp; Phần mềm hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp; Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); Công dịch vụ công của Bộ Xây dựng; CSDL quốc gia về đất đai; Tích hợp CSDL quốc gia về dân.

hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cấp ủy, chính quyền; nâng cao hiệu quả trong công tác phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Công dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh cung cấp 842 dịch vụ công trực tuyến một phần và 868 dịch vụ công trực tuyến toàn trình; đã tích hợp lên Công dịch vụ công Quốc gia 1.710 dịch vụ (*Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 22/8/2023*); tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết trước và đúng hạn đạt 98%. Công Dịch vụ công tỉnh và hệ thống Một cửa điện của tỉnh hoạt động ổn định, hiệu quả, thực hiện công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính mọi lúc, mọi nơi, tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã: Hoàn thành việc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện năm 2022 theo Quyết định số 3853/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh<sup>10</sup>; Chủ tịch UBND tỉnh đã công nhận hoàn thành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm 2022 đối với 37 đơn vị<sup>11</sup> cấp xã, đang tiếp tục thẩm định công nhận cho các đơn vị còn lại.

## **5.2. Chuyển đổi số ngành, lĩnh vực**

Ngoài việc triển khai các ứng dụng dùng chung đối với tất cả các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; các ngành, đơn vị đã triển khai thực hiện chuyển đổi số với kết quả cụ thể như sau:

### ***- Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:***

Phối hợp triển khai dự án: Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, phát triển nông nghiệp và nông thôn với mục tiêu tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý điều hành của đơn vị, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; tạo lập dữ liệu mở; ứng dụng hiệu quả Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng; ứng dụng thiết bị, kỹ thuật hiện đại để theo dõi diễn biến rừng, phát hiện sớm cháy rừng; quản lý chặt chẽ giống cây trồng lâm nghiệp, đảm bảo chất lượng tốt, truy xuất được nguồn gốc; ứng dụng khoa học kỹ thuật trong trồng, chăm sóc rừng, phát triển cơ giới hóa trong làm đất và khai

<sup>10</sup> Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các sở, ban, ngành cấp tỉnh bao gồm 02 nhóm với 06 chỉ số đánh giá chính. Trong đó: 06 chỉ số đánh giá chính được phân thành Nhóm chỉ số chung và Nhóm chỉ số về hoạt động. Nhóm chỉ số nền tảng chung gồm 05 chỉ số chính: Nhận thức số, thể chế số, hạ tầng số, nhân lực số, an toàn thông tin mạng. Nhóm chỉ số về hoạt động gồm 01 chỉ số là hoạt động chính quyền số. Thang điểm đánh giá đối với bộ chỉ số chuyển đổi số cấp sở, ban, ngành cấp tỉnh là 1.000 điểm; kết quả có 05 đơn vị cấp sở, ban, ngành xếp đầu cấp Sở về Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số (DTI) năm 2022 là: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng.

Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cấp huyện bao gồm 02 nhóm với 08 chỉ số đánh giá chính. Nhóm chỉ số nền tảng chung gồm 05 chỉ số chính là: nhận thức số, thể chế số, hạ tầng số, nhân lực số, an toàn thông tin mạng; nhóm chỉ số về hoạt động gồm 03 chỉ số là: hoạt động chính quyền số, hoạt động kinh tế số, hoạt động xã hội số; kết quả có 05 đơn vị cấp huyện xếp đầu chỉ số DTI năm 2022 là: thành phố Thanh Hóa, huyện Như Thanh, thị xã Nghi Sơn, huyện Thọ Xuân, huyện Yên Định

<sup>11</sup> 02 đơn vị cấp xã thuộc huyện Hà Trung; 05 đơn vị cấp xã thuộc huyện Quảng Xương; 10 đơn vị cấp xã thuộc thành phố Thanh Hóa; 04 đơn vị cấp xã thuộc huyện Như Thanh; 05 đơn vị cấp xã thuộc huyện Đông Sơn; 01 đơn vị cấp xã thuộc thị xã Bim sơn.

thác rừng; tiếp tục ứng dụng công nghệ và thiết bị giám sát đa dạng sinh học bằng phần mềm Smart; phần mềm MapInfo và phần mềm Global Mapper 12, chuyển bản đồ các Khu bảo tồn lên máy định vị GPSmap62 và GPSmap78S phục vụ cho công tác tuần tra, kiểm tra, lập tuyến tuần tra cố định trong rừng đặc dụng; sử dụng có hiệu quả công nghệ GPSPhoto Link quản lý cây cổ thụ quý hiếm trong khu bảo tồn; áp dụng và cập nhật phần mềm V-Tool qua app điện thoại giúp quản lý và cập nhật diễn biến rừng đến các trạm Quản lý bảo vệ rừng trực thuộc phục vụ công tác bảo vệ rừng, nắm bắt kịp thời diễn biến rừng và địa phận ranh giới giáp ranh với các chủ rừng khác; phần mềm nhận dạng nhanh một số loài động, thực vật nguy cấp, quý, hiếm; xây dựng và thiết lập hệ thống dữ liệu phục vụ cấp và quản lý mã số vùng trồng; phần mềm camera giám sát (Smart PSS, iVMS) đo mực nước trên các triền sông, hồ Thủy điện; Hệ thống Giám sát tàu cá; Hệ thống cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia Việt Nam (VNFishBase)...; đồng thời rà soát, hoàn thiện và kết nối các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh Thanh Hóa phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành (*Hệ thống Quản lý tàu cá; Hệ thống Camera quan sát, cảnh báo sớm cháy rừng và các bộ dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý*).

*- Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường:*

Triển khai áp dụng hiệu quả các phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý và điều hành như: Phần mềm quản lý kho điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường; Hệ thống thông tin đất đai, khoáng sản các tổ chức trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Ứng dụng công nghệ WebGIS xây dựng Atlas điện tử Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa; cơ sở dữ liệu Tài nguyên nước tỉnh Thanh Hóa; cơ sở dữ liệu Tài nguyên và Môi trường biển tỉnh Thanh Hóa; cơ sở dữ liệu Đa dạng sinh học và An toàn sinh học tỉnh Thanh Hóa; Vận hành, quản trị hệ thống quan trắc môi trường tự động liên tục tại Trung tâm điều hành bao gồm: 94 trạm quan trắc môi trường, khai thác nước ngầm của 18 doanh nghiệp và 03 trạm quan trắc môi trường do nhà nước đầu tư; cung cấp địa chỉ, hướng dẫn các doanh nghiệp kết nối, truyền số liệu quan trắc môi trường về Trung tâm điều hành. Quản trị, vận hành cơ sở dữ liệu Tài nguyên nước, Tài nguyên biển, Đa dạng sinh học, hệ thống quan trắc môi trường; duy trì kết nối, chia sẻ giữa Cơ sở dữ liệu đất đai với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với 04/27 huyện (với 92/559 xã, thị trấn, đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; gồm: Triệu Sơn: 36/36 xã, thị trấn; Yên Định: 26/26 xã, thị trấn; Hà Trung: 25/25 xã, thị trấn và Thiệu Hóa: 05/25 xã, thị trấn).

*- Lĩnh vực Tài chính:*

Đang khai thác và sử dụng các ứng dụng của Bộ Tài chính phục vụ chỉ đạo điều hành như: Phần mềm Quản lý Tài sản, Phần mềm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ, Phần mềm Quản lý công trình nước sạch, Kho dữ liệu ngân sách nhà nước, Hệ thống thông tin Thống kê Tài chính; Hệ thống thông tin quản



lý ngân sách và kho bạc (TABMIS). Hoàn thiện, nâng cấp, cập nhật đầy đủ trang thông tin điện tử <https://stc.thanhhoa.gov.vn>, hệ thống Công khai Ngân sách tỉnh Thanh Hóa (<https://stc.thanhhoa.gov.vn/portal/pages/Cong-khaingan-sach.aspx>); Hệ thống Công khai ngân sách, Hệ thống Quản lý, đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); Hệ thống Công khai giá vật liệu xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Vận hành, khai thác có hiệu quả Phần mềm quản lý Tài chính về Đất đai và Tài nguyên.

*- Lĩnh vực Giao thông vận tải:*

Áp dụng phần mềm quản lý cầu; phần mềm quản lý tài sản hạ tầng giao thông; Phần mềm quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ (hệ thống Govone) trong công tác duy tu bảo dưỡng công trình đường bộ; hệ thống giám sát hành trình trong công tác quản lý vận tải bằng xe ô tô; phần mềm quản lý bến xe khách; lắp đặt camera giám sát trên các ô tô kinh doanh vận tải hành khách có sức chứa từ 09 chỗ trở lên và xe vận tải hàng hoá bằng container; các cơ sở đào tạo lái xe thực hiện giám sát bằng hệ thống camera bao gồm cả phòng học lý thuyết và sân thực hành...giúp nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước của ngành trên địa bàn tỉnh.

*- Lĩnh vực Công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng:*

Các doanh nghiệp đã từng bước đưa ứng dụng công nghệ 4.0 vào quá trình sản xuất, quản trị doanh nghiệp, thực hiện chuyển đổi số, từng bước phát triển sản xuất thông minh. Điển hình như trong lĩnh vực điện lực, Công ty Điện lực Thanh Hoá đã đưa ra các giải pháp để triển khai thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả dựa trên 08 nội dung và 33 nhiệm vụ của EVN, EVNNPC đã đề ra như: số hóa dữ liệu, số hóa quy trình nghiệp vụ; tương tác trên không gian số; áp dụng công nghệ mới, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh; đảm bảo hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin; đảm bảo an toàn thông tin; chú trọng đến công tác đào tạo và nâng cao hiệu quả truyền thông chuyển đổi số; ngoài ra, trong các lĩnh vực (*công nghệ thực phẩm, khoáng sản...*) các doanh nghiệp đang tập trung phát triển hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, triển khai rộng rãi hệ thống tự động hóa.

*- Lĩnh vực Văn hóa, du lịch:*

Phối hợp triển khai việc số hóa và đưa vào sử dụng ứng dụng du lịch thông minh MobiFone Smart Travel tại 8 khu, điểm du lịch; cập nhật, số hóa 71 khu, điểm du lịch, 25 khách sạn lên phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu du lịch tỉnh; đăng tải 510 tin, bài ảnh quảng bá về du lịch Thanh Hóa trên Website du lịch tỉnh; truy cập, cập nhật thông tin, cơ sở dữ liệu trên hệ thống phần mềm di sản văn hoá vật thể, phi vật thể; Bảo tàng tỉnh đã số hóa và thực tế ảo 03 bảo vật quốc gia gồm: Kiếm ngắn núi Nưa, Trống đồng Cẩm Giang I, Vạc đồng Cẩm Thủy; Xây dựng phần mềm lưu trữ và trình chiếu dữ liệu số 3D; tra cứu nội dung, thông tin hiện vật; tương tác, tra cứu, tìm hiểu về bảo vật qua máy tính và

thiết bị Smartphone; phối hợp triển khai Dự án “*xây dựng Cổng thông tin du lịch tỉnh; hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý các hoạt động du lịch phục vụ công tác quảng bá du lịch của tỉnh*”; Dự án “*Xây dựng và triển khai các sản phẩm số về văn hóa, lịch sử đất và người Thanh Hóa trên không gian mạng; chuyển đổi số trong lĩnh vực di sản văn hóa và liên kết với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia*”.

*- Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo:*

Các cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức dạy học chủ động, linh hoạt qua hình thức dạy học trực tiếp, trực tuyến hoặc trên truyền hình; đẩy mạnh việc quản lý, sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử. Hoàn thiện kho học liệu số bao gồm các video bài giảng trực tuyến của ngành do các cơ sở giáo dục xây dựng (2.110 video bài giảng bậc Tiểu học, 2.990 video bậc Trung học) đưa vào sử dụng, khai thác nhằm hỗ trợ, đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập của học sinh và giáo viên đối với toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông.

*- Lĩnh vực ngân hàng:*

Các ngân hàng đã xây dựng và ứng dụng nền tảng ngân hàng số với phương châm “*Lấy khách hàng là trung tâm*” và cung cấp đầy đủ các dịch vụ ngân hàng, giúp các tổ chức, cá nhân và người dân chủ động tiếp cận nhanh chóng, kịp thời và an toàn bảo mật; các dịch vụ cung cấp chính như: Đăng ký mở tài khoản trực tuyến; đăng ký dịch vụ ngân hàng điện tử; đăng ký vay vốn trực tuyến; các giao dịch tài chính bằng sinh trắc học như nộp tiền vào tài khoản, thanh toán, chuyển khoản, chuyển tiền, gửi tiết kiệm... đã giúp cho việc tiết kiệm thời gian giao dịch của các tổ chức, cá nhân. Triển khai 08 hệ thống thông tin liên thông 04 cấp như Quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS), hệ thống trao đổi thông tin nộp thuế (TCS), kho dữ liệu Thu-Chi, hệ thống thông tin thống kê tài chính, quản lý tài sản. Triển khai có hiệu quả nền tảng quản lý thuế như hóa đơn điện tử, kê khai/nộp thuế qua mạng; nền tảng hải quan điện tử; nền tảng ngân hàng số, đã và đang được triển khai có hiệu quả trên địa bàn tỉnh ....

*- Lĩnh vực Thuế:*

Đã xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về hóa đơn điện tử (cả nước đã có hơn 6 tỷ hóa đơn điện tử, riêng Thanh Hóa đã đạt gần 68 triệu hóa đơn điện tử); đang triển khai hệ thống bản đồ số hộ kinh doanh và Bản đồ số mỏ khoáng sản làm cơ sở dữ liệu cho quản lý thuế cũng như góp phần phát triển kinh tế số và xã hội số; triển khai ứng dụng Thuế điện tử trên thiết bị di động (eTax Mobile); Triển khai Hệ thống dịch vụ thuế điện tử Etax; Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

*- Lĩnh vực Xây dựng:*

Cung cấp các thông tin liên quan đến các tổ chức cá nhân, doanh nghiệp về các điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân; công bố hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng của các đơn vị sản xuất,

cung cấp vật liệu xây dựng; cung cấp các chỉ số giá hàng tháng, quý, năm; cung cấp thông báo danh sách các đối tượng dự kiến được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội và bán nhà ở hình thành trong tương lai trên hệ thống công dữ liệu mở của tỉnh.

*- Lĩnh vực Tư pháp:*

Triển khai thực hiện số hóa sổ hộ tịch theo quy định của Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ; phối hợp với Công an tỉnh thực hiện đối chiếu, cập nhật, đồng bộ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu hộ tịch và nhập dữ liệu hộ tịch trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Phối hợp với cơ quan đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quyết định số 4624/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 về số hóa và tạo lập cơ sở dữ liệu điện tử hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (dự án số hóa dữ liệu hộ tịch, số hóa toàn bộ dữ liệu hộ tịch tại các huyện: Quảng Xương, Thọ Xuân và Bá Thước).

*- Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông:*

Phối hợp hoàn thiện Đề án “*Phát triển Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa đến năm 2030*” trên cơ sở kế thừa, phát huy thế mạnh và đổi mới, nâng cấp toàn diện cả về nội dung chương trình, nguồn nhân lực, phương thức hoạt động, cơ sở vật chất, thiết bị, công nghệ hiện đại, đáp ứng kịp thời xu hướng chuyển đổi số trong lĩnh vực báo chí; đến năm 2030, Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa cơ bản trở thành một cơ quan báo chí địa phương chuyển đổi hoàn toàn sang số, từ nội dung đến kỹ thuật công nghệ, quy trình quản lý điều hành, quản lý khai thác chia sẻ dữ liệu; đổi mới phương thức hoạt động và quản lý; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên sâu hóa.

*- Lĩnh vực an ninh, trật tự:*

Đã triển khai Dự án: “*Xây dựng Trung tâm chỉ huy, hệ thống giám sát an ninh trật tự và an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*” trong đó đã đầu tư trang thiết bị CNTT, phần mềm ứng dụng và hệ thống camera giám sát nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động theo dõi, giám sát năng lực điều hành, công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tội phạm; kịp thời phát hiện, xử lý tình huống vụ việc liên quan đến an ninh trật tự và an toàn giao thông; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và tự giác chấp hành quy tắc an toàn giao thông của người dân.

## **6. Phát triển Kinh tế số và Xã hội số**

### **6.1. Kinh tế số**

Kinh tế số đã bước đầu đóng góp vào sự phát triển kinh tế của tỉnh, tỷ trọng đóng góp kinh tế số của tỉnh trong tổng quy mô nền kinh tế đạt 8,28%<sup>12</sup>. Việc phát triển kinh tế số đã thay đổi hoàn toàn nhận thức, cách làm truyền

<sup>12</sup> Theo báo cáo của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số tháng 8/2023 (Thanh Hóa đứng thứ 37/63 tỉnh, TP).

thông của doanh nghiệp, người dân, hộ gia đình về tiêu thụ sản phẩm trên không gian số, sàn thương mại điện tử, mở rộng không gian tiêu thụ sản phẩm từ bó hẹp trong địa bàn, trong huyện, trong tỉnh ra ngoài tỉnh.

- UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 10/02/2023 về thực hiện chính sách, nhiệm vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa năm 2023; Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 về việc phê duyệt nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2023; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 15/3/2023 đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hóa năm 2023; trong năm đã phối hợp tổ chức được 61 lớp bồi dưỡng kiến thức về khởi sự doanh nghiệp cho 3.056 học viên; 67 lớp bồi dưỡng kiến thức về quản trị doanh nghiệp cho 3.350 học viên; thực hiện chuyển phát kết quả thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp cho 641 lượt doanh nghiệp; hỗ trợ miễn phí chữ ký số trong năm đầu hoạt động cho 667 doanh nghiệp; in ấn và ban giao 3.000 cuốn cẩm nang để cấp phát miễn phí cho doanh nghiệp.

- UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 28/3/2023 về phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 làm cơ sở hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh; trong đó xác định đến năm 2025, toàn tỉnh có ít nhất 100 doanh nghiệp số; đến năm 2030, có ít nhất 150 doanh nghiệp số; và xác định rõ lộ trình, nhiệm vụ cần phải thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra.

- Các sở, ban, ngành, Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh đã tăng cường tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp thay đổi quy trình sản xuất, tăng cường ứng dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, sáng tạo các mô hình sản xuất mới phù hợp, hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân về thanh toán phí, lệ phí điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không tiền mặt.

- Đã tổ chức 08 hội nghị hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản vận hành và bán hàng trên sàn thương mại điện tử Postmart.vn với 1.350 người; in ấn cấp phát 1.800 quyển sổ tay hướng dẫn quy trình, yêu cầu đưa sản phẩm nông sản thực phẩm lên sàn thương mại điện tử. Tiếp tục thực hiện việc hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử postmart.vn và voso.vn; thực hiện kết nối triển khai công tác truyền thông lan tỏa, quảng bá các sản phẩm mũi nhọn; đã đưa 152 sản phẩm đạt chứng nhận OCOP và 11.361 sản phẩm đặc trưng của các huyện lên sàn thương mại điện tử postmart.vn và các sàn thương mại điện tử; cung cấp hơn 537.815 tem truy xuất nguồn gốc và hỗ trợ trên 910.000 tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán các dịch vụ thiết yếu.

## 6.2. Xã hội số

Xác định chuyển đổi số lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm và là đối tượng thụ hưởng kết quả mà chuyển đổi số mang lại; thời gian qua các cấp ủy, chính quyền đã chỉ đạo thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để thúc đẩy phát triển xã hội số và hình thành công dân số, cụ thể như:

- Thực hiện tuyên truyền và hướng dẫn người dân cài đặt phần mềm VNeID trên thiết bị di động thông minh để thuận tiện trong các giao dịch cơ bản như: thẻ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, dịch vụ công, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet... đồng thời hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số. Khuyến khích người dân thực hiện thương mại điện tử trong nông nghiệp, tập trung vào các sản phẩm OCOP chủ lực của tỉnh, sản phẩm nông nghiệp đặc sản, những sản phẩm đã ứng dụng các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP của tỉnh giúp tăng tỷ trọng của nông nghiệp số.

- Tiếp tục duy trì, triển khai có hiệu quả Đề án xây dựng mô hình: "*Camera Nhân dân với an ninh, trật tự*" để thực hiện việc quản lý an ninh, trật tự; duy trì hiệu quả kênh giao tiếp với người dân thông qua hệ thống Zalo OA để trao đổi giữa các cơ quan chính quyền với người dân để tháo gỡ khó khăn và trao đổi thông tin một cách thuận lợi và nhanh chóng.

- 100% nhà văn hoá, thôn khu phố, các điểm du lịch được lắp đặt Wifi miễn phí. Đoàn Thanh niên đã hỗ trợ xây dựng mã QR Code tại các điểm du lịch (Đền Sòng Sơn, đền Chín Giếng, Chùa Khánh Quang, Khu di tích Lam Kinh, Khu du lịch Pù Luông; đền Trần, đền cô Bơ...) phục vụ du khách tra cứu, tìm hiểu thông tin về các điểm du lịch, du lịch tâm linh trên địa bàn các huyện.

- Đẩy mạnh thực hiện việc chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội; 100% đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội đã đăng ký tài khoản ngân hàng, ví điện tử, tài khoản Mobile money...

## 7. Về bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng được duy trì vận hành, trực đảm bảo hệ thống Trung tâm An ninh mạng và An toàn dữ liệu tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Trung tâm) hoạt động tốt 24/7; thực hiện thường xuyên công tác sao lưu dữ liệu website, phần mềm ứng dụng, dùng chung cho các cơ quan, đơn vị tại Trung tâm; tổ chức quản lý, hỗ trợ vận hành, tổng hợp theo dõi tình hình sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc; hỗ trợ khắc phục các lỗi trên phần mềm: Chữ ký số; hệ thống một cửa điện tử, phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc....; quản lý vận hành nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP).

- Hệ thống giám sát của Trung tâm điều hành an toàn, an ninh mạng tỉnh phát hiện 16 cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đang bị lây nhiễm mã độc, kết nối vào mạng máy tính ma (botnet) do tin tặc điều khiển; 434 máy tính nhiễm mã độc đã được xử lý, 954 máy tính có kết nối đến các tên miền độc hại ngoài internet, 940 máy tính tồn tại các lỗ hổng bảo mật; Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh đã triển khai thực hiện ứng cứu 464 lượt sự cố liên quan đến phần mềm dùng chung.

- Đến nay, 100% các hệ thống thông tin trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã được chuyển đổi sang sử dụng địa chỉ IPv6; có 856/856 cơ quan, đơn vị có hệ thống thông tin được phân loại, xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin; trong đó, có 08 đơn vị có hệ thống camera giám sát được triển khai tích hợp trên hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung đã được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin có sử dụng hệ thống camera giám sát.

### **8. Về phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số**

- Nhân lực chuyên đổi số là một trong những yếu tố quyết định đến thành công của quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; trong thời gian qua, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành các Chương trình, kế hoạch tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, về bảo đảm an toàn thông tin trong chuyển đổi số cho các cán bộ lãnh đạo, công chức trên địa bàn tỉnh.

- Đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức cho hơn 3.500 học viên là cán bộ công chức của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, các xã trên địa bàn tỉnh; trong đó gồm có:

+ Đối với cán bộ chuyên trách, phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số: đã tổ chức được 02 lớp bồi dưỡng, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình bảo vệ 04 lớp, với 120 học viên.

+ Đối với cán bộ, công chức: đã tổ chức 04 lớp tập huấn kiến thức về kỹ năng số, biên tập tin bài để tuyên truyền, nâng cao nhận thức với 320 học viên; 05 lớp tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng tham gia hoạt động trên sàn thương mại điện tử thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn với 450 học viên; các nội dung bảo đảm an toàn, an ninh hoạt động trên hạ tầng bưu chính khi tham gia hoạt động trên sàn thương mại điện tử; 06 lớp về chuyển đổi số cấp huyện cấp xã cho 540 học viên; 18 lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng về an toàn thông tin và phần mềm dùng chung cho 1.500 cán bộ cấp xã, phường, thị trấn; 07 lớp bồi dưỡng, tập huấn về vận hành, quản lý và khắc phục sự cố liên quan đến quá trình khai thác và vận hành hệ thống hội nghị truyền hình tại các điểm cầu trong tỉnh cho cán bộ công chức cấp xã với 605 học viên.

## 9. Kết quả triển khai nổi bật

- Hoàn thành việc kết nối chính thức giữa Cổng Dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa của tỉnh với cơ sở dữ liệu Quốc Gia về Dân cư từ ngày 20/02/2023; giúp cho người dân, tổ chức khi thực hiện các thủ tục hành chính được định danh và xác thực điện tử thông suốt; không phải khai báo thông tin ban đầu.

- Hoàn thành Cổng Dữ liệu mở của tỉnh (<https://opendata.thanhhoa.gov.vn>) đã được đưa vào triển khai, sử dụng với 15 nhóm dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh<sup>13</sup>.

- Chuyển đổi số các sở ngành, UBND cấp huyện: Hoàn thành việc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện năm 2022 (*Quyết định số 2148/QĐ-UBND ngày 20/6/2023*).

- Chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 về các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; đã công nhận 37 đơn vị cấp xã hoàn thành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm 2022<sup>14</sup>.

- Đã hoàn thành việc phê duyệt phương án đảm bảo an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ cho 856/856 cơ quan, đơn vị; hoàn thành nhiệm vụ được Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số giao cho tỉnh Thanh Hóa thực hiện trong năm 2023.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TẠI KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023

### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch

- Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ tại Quyết định số 17/QĐ-UBQGČĐS ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023 và Quyết định, Kế hoạch có liên quan; Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đã cụ thể hóa thành các chỉ tiêu, mục tiêu và nhiệm vụ của tỉnh và được Trưởng ban Chỉ đạo chuyển đổi số ban hành Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023 về kế hoạch hoạt động năm 2023. Đến nay, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đang triển khai thực hiện; cơ bản hoàn thành 30/43 chỉ tiêu; còn lại 13/43 chỉ tiêu đang thực hiện (*có Phụ lục 2 đánh giá kết quả chi tiết gửi kèm theo*). Đối với 13 chỉ tiêu đang thực hiện (trong đó có 11 chỉ tiêu theo Quyết định số 17/QĐ-UBQGČĐS ngày 04/4/2023), UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 17326/UBND-CNTT ngày 16/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao hoàn thành các chỉ tiêu chuyển đổi số theo Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh.

<sup>13</sup> Lĩnh vực: Thông tin và Truyền thông; Giáo dục; Giao thông vận tải; Khoa học và Công nghệ; Kinh tế; Lao động; Tài nguyên và Môi trường; Nông nghiệp; Tài chính; Văn hóa du lịch; Xã Hội; Xây dựng; Y tế sức khỏe; Công nghiệp; Nông thôn mới.

<sup>14</sup> Thanh Hóa là một trong những địa phương đầu tiên ban hành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã và đã công nhận các đơn vị hoàn thành tiêu chí.

- Nhiệm vụ trọng tâm Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số giao cho tỉnh Thanh Hóa năm 2023 là: *“Tiên phong trong việc tổ chức triển khai, chỉ đạo triển khai phân loại, xác định, phê duyệt và đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trên địa bàn tỉnh đối với toàn bộ các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý”*; trên cơ sở nhiệm vụ được giao, đến nay tỉnh Thanh Hóa đã hoàn thành nhiệm vụ được giao và đã phê duyệt phương án đảm bảo an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ cho 856/856 đơn vị, gấp 17,8 lần so với năm 2022 (năm 2022 là 48 đơn vị) đạt tỷ lệ 100%.

## **2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hành động trọng tâm Năm dữ liệu số quốc gia:**

Tỉnh Thanh Hóa đã đưa vào vận hành Công dữ liệu mở của tỉnh nhằm chia sẻ, công khai các thông tin, dữ liệu phục vụ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Đang xây dựng Kế hoạch phát triển và quản trị dữ liệu số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030<sup>15</sup>.

Đang thực hiện trình tự thủ tục để thực hiện Kế hoạch thuê dịch vụ Công nghệ thông tin đối với Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Thanh Hóa<sup>16</sup>.

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã triển khai thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu số phục vụ các hoạt động quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ; triển khai thí điểm mô hình “3 Không” trên địa bàn tỉnh và thí điểm tại 05 xã/phường<sup>17</sup>; đến nay, cơ bản các huyện trên địa bàn tỉnh đã triển khai mô hình 3 không ở các xã, phường, thị trấn bước đầu cung cấp các công cụ thuận tiện cho người dân/doanh nghiệp tham gia chuyển đổi số, thay đổi căn bản tư duy, thói quen trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và trong cuộc sống của người dân và doanh nghiệp.

## **3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Thông báo kết luận các phiên họp của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số trong năm 2023:**

Thực hiện nhiệm vụ được giao của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã chỉ đạo các ngành, đơn vị tập trung, đẩy mạnh chuyển đổi số trong cả công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành nhằm sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác tham mưu; hoàn thành và triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 và Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ; rà soát, hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kết nối các dịch vụ công trực tuyến với Cổng dịch vụ công quốc gia, góp phần giảm thiểu thời gian, tiết kiệm chi phí cho người dân, doanh nghiệp, hạn chế tham nhũng, tiêu cực; đẩy mạnh thương mại điện tử, thanh toán các dịch vụ, chi trả trợ cấp xã hội, hỗ trợ an sinh xã hội không dùng tiền mặt, xác thực tài khoản ngân hàng.

<sup>15</sup> Tờ trình số 3012/TTr-STTTT ngày 30/11/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông

<sup>16</sup> Tờ trình số 2910/TTr-STTTT ngày 20/11/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông

<sup>17</sup> Phường Điện Biên, TP Thanh Hóa; xã Tây Hồ, huyện Thọ Xuân; xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa; xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương; xã Nga Liên, huyện Nga Sơn.



### **III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ.**

#### **1. Khó khăn, vướng mắc**

Trong quá trình triển khai còn gặp một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 118.839 hộ nghèo, cận nghèo, với 472.447 nhân khẩu (chiếm 11,88% trên tổng số hộ và chiếm 12,25% tổng số dân), do đó việc các hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận thông tin và sử dụng thiết bị thông minh gặp nhiều khó khăn; tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh trên địa bàn tỉnh còn thấp.

- Việc hướng dẫn cách thức thống kê, đánh giá một số chỉ tiêu còn gặp nhiều khó khăn, như: Hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của các cơ quan nhà nước được thực hiện trên môi trường mạng trên 10%; Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP trên 16%; Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ trên 8,5%; Tỷ lệ thuê bao di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản trên 20%; Tỷ lệ hộ gia đình có đường cáp quang Internet băng rộng có sử dụng giải pháp an toàn thông tin mạng cơ bản đạt trên 10%.

- Việc liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Trung ương và địa phương còn mang tính thứ bậc, chưa đảm bảo nguyên tắc đồng đẳng, dẫn đến việc thiếu tính kế thừa như cơ sở dữ liệu cấp đổi giấy phép lái xe, cơ sở dữ liệu doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu đất đai.

- Nhận thức của doanh nghiệp, người dân trong thực hiện chuyển đổi số chưa cao, các doanh nghiệp chưa chủ động tham gia hoạt động chuyển đổi số, dẫn đến tỷ lệ ứng dụng dịch vụ công phục vụ người dân doanh nghiệp chưa được cải thiện nhiều.

- Cán bộ phụ trách công tác chuyển đổi số tại các đơn vị trực thuộc là kiêm nhiệm, không có chuyên môn lĩnh vực công nghệ thông tin do đó trong quá trình xử lý các vấn đề mang tính chuyên môn cao gặp rất nhiều khó khăn.

#### **2. Đề xuất, kiến nghị**

*(1). Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông:*

- Hỗ trợ máy tính bảng, điện thoại thông minh thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 nhằm nâng cao chỉ số chuyển đổi số của tỉnh Thanh Hóa và hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận thông tin, sử dụng các ứng dụng chuyển đổi số.

- Hướng dẫn phương pháp để xác định giá trị cụ thể đối một số chỉ tiêu khó hoàn thành trong Quyết định số 17/QĐ-UBQGCD.ĐS.

*(2). Đề nghị các bộ, ngành Trung ương:*

- Liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Trung ương và địa phương; đảm bảo nguyên tắc đồng đẳng, đồng bộ nhằm hỗ trợ các địa phương trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành được thuận lợi và đầy đủ thông tin.

- Ban hành các chính sách: (1) Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; (2) Chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; (3) Chính sách thuê chuyên gia; (4) Có chính sách khuyến khích cho nhân lực tham mưu về chuyển đổi số; hỗ trợ kinh phí hoạt động cho tổ công nghệ số cộng đồng.

#### **IV. ĐỀ XUẤT XUẤT NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN QUỐC GIA NĂM 2024**

- Ban hành Nghị định quy định về danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cho các cơ quan nhà nước.

- Sửa đổi thay thế Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Rà soát sửa đổi các văn bản quy định về đơn giá, định mức, chi phí áp dụng cho các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (nhất là các dự án về xây dựng phần mềm).

#### **V. ĐỀ XUẤT NỘI DUNG BÁO CÁO, THAM LUẬN TẠI PHIÊN HỌP Không đề xuất.**

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa, kính đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông (để báo cáo);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND (để báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ CDS;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, CNTT.

**TRƯỞNG BAN**



**CHỦ TỊCH UBND TỈNH  
Đỗ Minh Tuấn**

**Phụ lục 1****Danh mục các văn bản về chuyển đổi số năm 2023**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BCĐ ngày tháng năm 2023  
của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa)

STT	Trích yếu nội dung	Số Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch	Ngày, tháng, năm ban hành
<b>I</b>	<b>Chỉ thị</b>		
1	Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị Camera giám sát	02/CT-UBND	18/01/2023
<b>II</b>	<b>Quyết định</b>		
1	Quyết định về ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và dịch vụ chia sẻ dữ liệu của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	630/QĐ-UBND	27/02/2023
2	Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật Dự án: Hợp nhất, nâng cấp Cổng Dịch vụ công tỉnh với Hệ thống một cửa điện tử cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thanh Hóa	729/QĐ-UBND	06/3/2023
3	Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật dự án: Xây dựng Cổng thông tin điện tử về du lịch và ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động tại tỉnh Thanh Hóa	897/QĐ-UBND	17/3/2023
4	Thay đổi thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa	978/QĐ-UBND	27/3/2023
5	Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật dự án: Xây dựng phần mềm thu thập thông tin và đánh giá bộ chỉ số chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa	1119/QĐ-UBND	06/4/2023
6	Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật dự án: Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông và truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	1139/QĐ-UBND	07/4/2023
7	Thay đổi thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa	1650/QĐ-UBND	17/5/2023
8	Ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	1829/QĐ-UBND	30/5/2023
9	Ban hành kết quả đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2022	2148/QĐ-UBND	20/6/2023
10	Công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã cho 02 đơn vị cấp xã thuộc huyện Hà Trung	3840/QĐ-UBND	19/10/2023

11	Công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã cho 05 đơn vị cấp xã thuộc huyện Quảng Xương	3878/QĐ-UBND	20/10/2023
12	Công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã cho 10 đơn vị cấp xã thuộc thành phố Thanh Hóa	3896/QĐ-UBND	23/10/2023
13	Công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm 2022 cho UBND phường Đông Sơn, Thị xã Bỉm Sơn	4186/QĐ-UBND	08/11/2023
14	Công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm 2022 cho 04 đơn vị xã, thị trấn thuộc huyện Như Thanh	4250/QĐ-UBND	13/11/2023
15	Công nhận hoàn thành tiêu chí chuyển đổi số cấp xã năm 2022 cho 05 đơn vị xã, thị trấn thuộc huyện Đông Sơn	4349/QĐ-UBND	19/11/2023
<b>III</b>	<b>Kế hoạch</b>		
1	Kế hoạch về Phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030	77/KH-UBND	28/3/2023
2	Kế hoạch tổ chức đoàn công tác đi học tập kinh nghiệm về mô hình chuyển đổi số tại tỉnh Thừa Thiên Huế	65/KH-BCĐ	20/3/2023
3	Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa năm 2023	100/KH-BCĐ	26/4/2023
4	Kế hoạch tổ chức các sự kiện Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	210/KH-UBND	22/8/2023
5	Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2023-2025	225/KH-UBND	15/9/2023
6	Kế hoạch kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ và các chỉ tiêu về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa năm 2023	226/KH-BCĐ	15/9/2023
<b>IV</b>	<b>Công văn</b>		
1	Đẩy mạnh thực hiện phát triển doanh nghiệp công nghệ số, chuyển đổi số trong doanh nghiệp và triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số	9791/UBND-CNTT	10/7/2023
2	Giao nhiệm vụ thực hiện duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa hàng năm	11401/UBND-CNTT	08/8/2023
3	Giao hoàn thành các chỉ tiêu chuyển đổi số theo Kế hoạch số 100/KH-BCĐ ngày 26/4/2023 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh.	17326/UBND-CNTT	16/11/2023

## Phụ lục 2

### Kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ, chỉ tiêu chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa năm 2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BCĐ ngày tháng năm 2023 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa)

STT	Các chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
<b>I</b>	<b>Phát triển hạ tầng số</b>		
1	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt trên 80%.	Quý IV	Đang thực hiện
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng đạt trên 85%	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
3	Tiếp tục đầu tư và duy trì triển khai hạ tầng kỹ thuật phục vụ Hội nghị trực tuyến đồng bộ 03 cấp từ cấp tỉnh đến cấp xã và kết nối với Hệ thống Hội nghị trực tuyến quốc gia	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
4	Xây dựng và từng bước hoàn thiện hạ tầng điện toán đám mây phục vụ nhu cầu chuyển đổi số	Quý IV	Đang thực hiện
	Ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) trong một số ngành, lĩnh vực.		<b>Đã hoàn thành</b>
5	Phủ sóng mạng di động 4G và mạng Internet cáp quang đến 100% trung tâm các thôn/bản trên địa bàn tỉnh.	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
<b>II</b>	<b>Dữ liệu số</b>		
6	Xây dựng và ban hành được danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; hoàn thành ít nhất 50% tổng số cơ sở dữ liệu dùng chung trong danh mục đã ban hành	Quý I	<b>Đã hoàn thành</b> Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 27/02/2023
7	Hoàn thành việc triển khai cung cấp dữ liệu mở trên địa bàn tỉnh	Quý II	<b>Đã hoàn thành:</b> Cổng dữ liệu mở ( <a href="https://opendata.thanhhoa.gov.vn">https://opendata.thanhhoa.gov.vn</a> ) với 15 lĩnh vực
8	Phấn đấu 100% các sở, ngành đủ điều kiện cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	Quý III	<b>Đã hoàn thành</b>
9	Hoàn thành xây dựng, triển khai Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Quý IV	Đang thực hiện

STT	Các chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
10	Triển khai kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các cấp để người dân, doanh nghiệp chỉ phải nhập dữ liệu một lần khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến	Quý IV	Đang thực hiện
11	Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực phát triển và quản trị dữ liệu của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b> (Tờ trình 3120/TTr-STTTT ngày 30/11/2023)
12	100% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng, đại học hoàn thành rà soát các chương trình đào tạo để xem xét bổ sung, lồng ghép nội dung, chuẩn đầu ra về dữ liệu lớn, thiết kế, phân tích xử lý dữ liệu phù hợp với đặc thù tương ứng của từng ngành, nghề đào tạo	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b> Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng, đại học có đào tạo về Tin học, CNTT đã thực hiện lồng ghép nội dung và triển khai trong các khóa đào tạo của đơn vị.
13	100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và gắn nhãn tín nhiệm mạng	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
14	100% các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
<b>III</b>	<b>Phát triển chính quyền số</b>		
15	Nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
16	100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 50% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
17	30% thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công; 60% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>

<b>STT</b>	<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>	<b>Kết quả đạt được</b>
18	100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
19	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%. Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến từ xa	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
20	Phần đầu trên 30% các sở, ngành; huyện, thị xã, thành phố triển khai trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và phục vụ người dân	Quý III	Đang thực hiện
21	Phần đầu trên 30% các sở, ngành; huyện, thị xã, thành phố triển khai kết nối với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật	Quý III	Đang thực hiện
22	Trên 30% hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Quý III	Đang thực hiện (Đã có văn bản số 2291/STTTT-CNTT đề nghị Bộ TTTT hướng dẫn cụ thể)
23	100% cán bộ công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	Quý III	<b>Đã hoàn thành</b>
24	Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trực tuyến đạt 100%	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
25	Tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
<b>IV</b>	<b>Phát triển Kinh tế số</b>		
26	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP trên 16%	Quý IV	Đang thực hiện
27	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt 10%	Quý IV	Đang thực hiện
28	100% các sở, ngành; huyện, thị xã, thành phố ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số thuộc phạm vi quản lý	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
29	100% các sở, ngành, địa phương triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở y tế, giáo dục thuộc phạm vi quản lý	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>

STT	Các chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
30	Trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số, trên 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng nền tảng số	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b> 100% các doanh nghiệp đã sử dụng nền tảng kế toán của Misa; sử dụng chữ ký số điện tử để thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.
31	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 50%	Quý IV	Đang thực hiện
32	Xây dựng thí điểm được mô hình chuyển đổi số ở một số ngành, lĩnh vực	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b> (mô hình du lịch số; mô hình đào tạo sử dụng nền tảng trực tuyến và mô hình khám chữa bệnh).
<b>V</b>	<b>Xây dựng xã hội số</b>		
33	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 30%	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
34	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân trên 30%	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
35	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác trên 75%	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
36	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 60%	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
37	Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa trên 30%	Quý IV	Đang thực hiện
38	Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
<b>VI</b>	<b>An toàn, an ninh mạng</b>		
39	100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>
40	100% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>



STT	Các chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Kết quả đạt được
41	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản trên 50%	Quý IV	Đang thực hiện (Đã có văn bản số 2291/STTTT-CNTT đề nghị Bộ TTTT hướng dẫn cụ thể)
42	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng có sử dụng giải pháp an toàn thông tin mạng cơ bản đạt trên 50%	Quý IV	Đang thực hiện (Đã có văn bản số 2291/STTTT-CNTT đề nghị Bộ TTTT hướng dẫn cụ thể)
43	70% trường tiểu học, THCS, THPT và các cơ sở bảo vệ, nuôi dưỡng trẻ em được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.	Quý IV	<b>Đã hoàn thành</b>